TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2021/DS-PT
Ngày: 12-4-2021
V/v *Tranh chấp quyền sở hữu đòi lại tài sản*.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Minh

Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Duyên

Ông Dương Tuấn Vinh

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông– Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 480/2020/DSPT ngày 05/10/2020 về việc "Tranh chấp quyền sở hữu đòi lại tài sản". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2384/2020/QĐ-PT ngày 28/12/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Kim N. sinh năm: 1943. Địa chỉ: Hoa Kỳ. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà Lâm Ngọc Thùy T. sinh năm: 1987. Địa chỉ: Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 10/8/2017). (có mặt)

- Ông Trần Thanh P. sinh năm: 1951. Địa chỉ: phường An Phú, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (văn bản ủy quyền ngày 20/3/2014). (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Hồng S là Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Phan Hồng S và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Ngọc L. sinh năm: 1956 (vắng mặt)

2.2 Bà Lê Thị Cẩm V. sinh năm: 1957 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: phường Tân An (An Hội cũ), quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Kỳ Việt C. Địa chỉ: phường An Cư, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (văn bản ủy quyền ngày 24/4/2014). (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Lê Thị Cẩm H (Trịnh Thị Cẩm H). sinh năm: 1957. Địa chỉ: 5095 Likini St# 103A Hon. Hawaii, 96818, Hoa Kỳ. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trịnh Kim N (văn bản ủy quyền ngày 07/8/2019) và ông Nguyễn Hoàng T1, sinh năm: 1977. Địa chỉ: phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (văn bản ủy quyền ngày 07/8/2019). (cả 2 có mặt)

3.2 Bà Nguyễn Thị Ngân H. sinh năm: 1978. Địa chỉ: Phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Các bị đơn ông Nguyễn Ngọc L, bà Lê Thị Cẩm V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/12/2013 và các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trịnh Kim N thông qua người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Trịnh Thị Cẩm H (là vợ ông đã ly hôn) và bà Lê Thị Cẩm V là chị em ruột. Năm 2001 ông và bà H vẫn còn là vợ chồng, từ Hawaii ông và bà H mang tiền về nước để nhờ anh chị là ông Nguyễn Ngọc L, bà Lê Thị Cẩm V thay mặt ông bà nhận chuyển nhượng 03 căn nhà và đất tọa lạc tại số 29, 29/1, 29/3 đường Nguyễn Trãi, phường An Hội, Tp. Cần Thơ, tỉnh Cần thơ (cũ). Ông bà cũng nhờ ông L, bà V tiến hành các thủ tục đăng ký và đứng tên giùm trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất.

UBND tỉnh Cần Thơ (cũ) đã cấp các Giấy chứng nhận số 5401090641 ngày 18/7/2001; số 5401090637 và 5401090636 cùng ngày 17/8/2001 cho ông L, bà V. Năm 2005 ông bà tiếp tục mang tiền về nước để ông L, bà V sửa chữa 03 căn nhà nói trên và nhập lại thành 01 căn như hiện nay tại số 29 Nguyễn Trãi có cấu trúc 01 trệt, 01 lầu.

Năm 2006 để tạo sự tin tưởng, ông L và bà V đến Phòng Công chứng số 2 Cần Thơ lập tờ Cam kết ngày 15/02/2006 với nội dung khẳng định bất động sản nêu trên là tài sản của vợ chồng ông, ông L và bà V chỉ là người quản lý giúp ông bà trong lúc ông bà chưa trở về Việt Nam sinh sống. Tờ cam kết cũng nêu rõ ông L, bà V không được quyền định đoạt căn nhà trên nếu không có sự đồng ý của ông hoặc bà H.

Do mâu thuẫn trong gia đình, ngày 27/9/2010 ông và bà H ly hôn tại Hawaii, bà H cũng chấp nhận ông và bà H mỗi người sở hữu ½ căn nhà. Nay ông có ý định về Việt Nam sinh sống thì ông L, bà V cho rằng đó là tài sản của bà H, không thừa nhận là tài sản của ông. Vì vậy ông yêu cầu Tòa án buộc ông L, bà V và bà H liên đới thanh toán cho ông ½ giá trị căn nhà số 29 Nguyễn Trãi nói trên.

Tuy nhiên, ngày 26/4/2019 bà H về Việt Nam và trực tiếp đến Tòa án trình bày ý kiến xác nhận căn nhà nêu trên là tài sản chung của ông bà trong thời kỳ hôn nhân. Nay bà H thống nhất với ông là cùng kiện đòi lại căn nhà để ông bà tự phân chia. Và ngày 05/8/2019 bà H chính thức nộp đơn khởi kiện tại Tòa án để cùng với ông yêu cầu ông L, bà V phải trả lại căn nhà nói trên.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc L và bà Lê Thị Cẩm V thông qua người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Phần tài sản mà phía nguyên đơn tranh chấp là tài sản hợp pháp của phía bị đơn, đã được các cơ quan chức năng công nhận. Phía nguyên đơn khởi kiện căn cứ vào tờ cam kết ngày 15/02/2006 nhưng hiện nay văn bản này đã không còn giá trị pháp lý (đã bị hủy bỏ), vì vậy phía bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị Cẩm H (còn có tên Trịnh Thị Cẩm H) có yêu cầu độc lập trình bày:

Trước đây bà Lê Thị Cẩm H (tên chưa ly hôn là Trịnh Thị Cẩm H) có văn bản được hợp pháp hóa lãnh sự tại San Francisco ngày 02/7/2012 gửi về cho rằng quan hệ vợ chồng giữa bà và ông N đã chấm dứt vào năm 2010. Cả hai đã ly hôn ở Hawaii, tài sản chung vợ chồng đã được giải quyết xong, bà và ông N không có tài sản chung ở Việt Nam. Căn nhà số 29 Nguyễn Trãi là do tiền của các chị em của bà ở nước ngoài góp lại (nhưng không có giấy tờ chứng minh) nhờ bà mang về mua, sửa chữa và giao cho chị ruột là Lê Thị Cẩm V và anh rể là Nguyễn Ngọc L đứng tên giấy chủ quyền tài sản; phần của bà H đóng góp 37.000 USD. Bà cho rằng tờ cam kết ngày 15/02/2006 không có giá trị pháp lý vì bà đã làm văn bản hủy bỏ vào ngày 12/10/2009. Ông N chỉ có thể đòi ½ số tiền 37.000 USD là khoản tiền do bà gửi về đóng góp mà thôi.

Tuy nhiên, ngày 26/4/2019 bà H về Việt Nam trực tiếp đến Tòa án trình bày ý kiến và ngày 05/8/2019 bà chính thức nộp đơn khởi kiện xác định căn nhà nêu trên là tài sản chung của bà và ông N khi còn là vợ chồng. Lúc đó bà đem tiền của vợ chồng về nhờ bà V, ông L đứng ra mua và đứng tên chủ quyền giùm. Sở dĩ có việc bà khai tiền của chị em góp lại mua nhà này, là do thời điểm đó ông bà mâu thuẫn, ly hôn nên bà giận và tự ái đã khai không đúng sự thật. Nay bà khẳng định căn nhà này là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà và ông N. Bà yêu cầu Tòa án buộc bà V, ông L phải giao trả lại căn nhà để bà và ông N tự phân chia.

+ Bà Nguyễn Thị Ngân H trình bày:

Bà là người đang thuê căn nhà 29 Nguyễn Trãi của ông L, bà V để kinh doanh. Bà không có ý kiến và yêu cầu gì về việc tranh chấp này. Trường hợp sau khi Tòa xét xử công nhận quyền sở hữu nhà cho ai, thì bà sẽ thương lượng với chủ sở hữu về việc có tiếp tục thuê nhà hay không. Đồng thời bà cũng xin Tòa giải quyết, xét xử vắng mặt bà.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và người liên quan có yêu cầu độc lập vẫn giữ yêu cầu bị đơn trả lại nhà và xác định do trong khoảng thời gian bị đơn giữ giùm tài sản, đã thụ hưởng lợi ích từ khoản tiền cho thuê nhà từ đó đến nay với mức giá cho thuê mỗi tháng từ 22.000.000đ đến 29.000.000đ. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải hoàn trả lại khoản lợi ích này, xem như đây là thù lao cho bị đơn bảo quản, gìn giữ tài sản giùm nguyên đơn, cho đến khi bản án có hiệu lực.

Phía bị đơn cho rằng nhà thuộc quyền sở hữu của mình, đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, bà H. Đồng thời đề nghị Tòa xem xét đơn khởi kiện của ông N, bà H chỉ kiện đòi căn nhà số 29 Nguyễn Trãi. Do đó, phải loại trừ 02 căn số 29/1 và 29/3 ra khỏi vụ án này vì không có yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, cũng khẳng định do bị đơn không chấp nhận yêu cầu đòi lại nhà, nên không yêu cầu chi phí công sức trông nom, gìn giữ tài sản cũng như khoản chi phí sửa chửa nhà trong thời gian ở tại đây.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn đưa ra các căn cứ để chứng minh và phân tích bác bỏ luận điểm của bị đơn cho rằng "Tờ cam kết ngày 15/02/2006" đã bị hủy bỏ bằng "Giấy xác nhận hủy bỏ… ngày 12/10/2009". Chứng minh quyền sở hữu căn nhà 29 Nguyễn Trãi là của ông N, bà H; bị đơn chỉ là người đứng tên giùm, giữ giùm tài sản chứ không có quyền của chủ sở hữu. Đồng thời viện dẫn pháp luật chứng minh nguyên đơn thuộc đối tượng được quyền sở hữu nhà ở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn giao trả tài sản theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ quyết định:

1/- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Kim N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Lê Thị Cẩm H (tên trước đây Trịnh Thị Cẩm H).

2/- Buộc bị đơn ông Nguyễn Ngọc L, bà Lê Thị Cẩm V giao trả lại cho ông Trịnh Kim N và bà Lê Thị Cẩm H tài sản theo "*Tờ cam kết ngày 15/02/2006*" (căn nhà tọa lạc tại số 29 Nguyễn Trãi, phường Tân An (An Hội cũ), quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ) theo các giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5401090641 ngày 18/7/2001; số 5401090637 và số 5401090636 cùng ngày 17/8/2001 do Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ cấp cho ông Nguyễn Ngọc L, bà Lê Thị Cẩm V và kèm theo các giấy chứng nhận nói trên

Trường hợp ông L, bà V không giao trả các giấy chứng nhận nói trên, thì kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ các giấy chứng nhận đó để cấp lại giấy chứng nhận cho ông Trịnh Kim N và bà Lê Thị Cẩm H theo quy định của pháp luật khi đương sự có yêu cầu.

3/- Cho bị đơn ông Nguyễn Ngọc L, bà Lê Thị Cẩm V cùng các thành viên trong gia đình, thời gian lưu cư 03 tháng kể từ khi án có hiệu lực để thực hiện việc di dời giao trả nhà cho ông Trịnh Kim N và bà Lê Thị Cẩm H.

4/- Ghi nhận sự tự nguyện của:

+ Ông Trịnh Kim N, bà Lê Thị Cẩm H không yêu cầu bị đơn giao trả lại khoản tiền cho thuê nhà từ năm 2006 cho đến khi bản án có hiệu lực, xem như đây là chi phí cho bị đơn trông nom, gìn giữ, bảo quản tài sản;

+ Bị đơn không yêu cầu ông N, bà H thanh toán chi phí trông nom, gìn giữ, bảo quản tài sản và chi phí sửa chữa nhà.

+ Bà Nguyễn Thị Ngân H không yêu cầu giải quyết việc thuê nhà, bà sẽ tự thỏa thuận thương lượng khi Tòa án xác định chủ sở hữu tài sản.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, tiền án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/8/2020, các bị đơn ông Nguyễn Ngọc L, bà Lê Thị Cẩm V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn ông Nguyễn Ngọc L, bà Lê Thị Cẩm V là ông Nguyễn Kỳ Việt C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Nguyễn Kỳ Việt C trình bày: Về tố tụng, Bản án sơ thẩm có vi phạm khi không đưa đầy đủ người tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Cụ thể là không đưa những người cùng góp tiền với bà H để mua tài sản tranh chấp là các bà Lê Thị Cẩm C1, Lê Thị Cẩm L1, Lê Thị Cẩm N1 và những người hiện nay đang sinh sống và có tên trong hộ khẩu tại căn nhà số 29 Nguyễn Trãi gồm Lê Thị Cẩm C1, Trương Vĩ H3, Nguyễn Duy Q, La Uyên N. Về nội dung, đối tượng khởi kiện của vụ án là căn nhà số 29 Nguyễn Trãi nhưng Bản án sơ thẩm buộc trả nhà, đất của cả 03 căn nhà 29, 29/1, 29/3 là trái pháp luật. Văn bản hủy bỏ cam kết của bà H không trái pháp luật, hợp lệ nên có hiệu lực pháp luật, do đó không có căn cứ xác định đây là tài sản của nguyên đơn nên Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đủ cơ sở. Vì những vi phạm về tố tụng và sai sót về nội dung trên đây mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Phan Hồng S trình bày: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn. Về chứng cứ để xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn chỉ là bản sao sổ hộ khẩu được ông C cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm mà không có tài liệu chứng cứ nào

khác. Về tố tụng: những người được phía bị đơn đưa ra không có liên quan đến việc giải quyết vụ án vì không có chứng cứ nào chứng minh có giao dịch chuyển tiền hoặc người đang sinh sống thực tế tại căn nhà đang tranh chấp mà chỉ có tên trong sổ hộ khẩu là không đủ căn cứ để cấp sơ thẩm đưa vào tham gia tố tụng. Về nội dung: hồ sơ vụ án thể hiện xuyên suốt quá trình tố tụng nguyên đơn luôn yêu cầu là 3 căn nhà được thực hiện bởi trình tự tố tụng đảm bảo, Bản án sơ thẩm không vượt quá yêu cầu khởi kiện vì các bên đã cam kết trả giá trị hay tài sản đều được. Văn bản cam kết bị hủy bỏ bằng một văn bản của bà H, tuy nhiên văn bản này lập tại là thời điểm đó đang có mâu thuẫn với ông N nên chính bà H cũng đã trình bày lại ý chí của bà muốn đòi lại tài sản. Do đó văn bản hủy bỏ của bà H không còn giá trị, hơn nữa, văn bản này cũng không hợp lệ vì bà H đơn phương chấm dứt cam kết là không phù hợp với Luật công chứng. Về nguồn tiền mua tài sản tranh chấp là tài sản trong thời kỳ hôn nhân, là tài sản của ông N bà H, được bà H thừa nhận, được ghi nhận tại bản án ly hôn của ông N với bà H, được ông L xác nhận tại biên bản hòa giải tại phường. Như vậy Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trịnh Kim N là ông Trần Thanh P trình bày: Ý chí của bà H phù hợp với tờ cam kết 15/02/2006, tại văn bản này mặc dù không có mặt ông N nhưng nội dung ghi nhận việc định đoạt tài sản phải có ý kiến của ông N đã thừa nhận ông N có quyền sở hữu đối với tài sản tranh chấp như Bản án sơ thẩm nhận định là đúng, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Ông Nguyễn Hoàng T1 đồng ý với ý kiến của phía nguyên đơn, không bổ sung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông L, bà V hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm là đúng quy định pháp luật. Về nội dung: theo hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Trịnh Kim N có quyền khởi kiện là đúng. Về việc các bà Lệ, Cúc, Nhung góp tiền để mua nhà chỉ là lời trình bày của bà H mà không có gì chứng minh. Bị đơn có kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ nào để cấp phúc thẩm xem xét, đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của các đương sự, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị đơn ông Nguyễn Ngọc L, bà Lê Thị Cẩm V trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của các bị đơn:

[2.1] Tài sản tranh chấp trong vụ án được xác định là 03 căn nhà và đất tọa lạc tại số 29, 29/1, 29/3 đường Nguyễn Trãi, phường An Hội, Tp. Cần Thơ, tỉnh Cần thơ (cũ) được UBND tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp các Giấy chứng nhận số 5401090641 ngày 18/7/2001; số 5401090637 và 5401090636 cùng ngày 17/8/2001 cho ông L, bà V đã được sửa chữa và nhập lại thành 01 căn như hiện nay tại số 29 Nguyễn Trãi có cấu trúc 01 trệt, 01 lầu.

[2.2] Nguyên đơn khởi kiện cho rằng nhà và đất nêu trên là do ông và bà H gửi tiền về để ông L, bà V mua và sửa chữa nhà. Sự việc này được chứng minh bởi Tờ cam kết ngày 15/02/2006 giữa ông L, bà V với bà H tại Phòng Công chứng số 2 Cần Thơ. Đây là chứng cứ được các bên xác lập hợp lệ về hình thức, được nguyên đơn thừa nhận về nội dung và có chữ ký của các bị đơn. Theo văn bản này, nguồn tiền để mua 3 căn nhà số 29, 29/1, 29/3 Nguyễn Trãi là bà H gửi tiền về Việt Nam để ông L, bà V thay mặt bà H làm các thủ tục mua và đăng ký quyền sở hữu vào năm 2001, đến năm 2005 bà H tiếp tục gửi tiền về để sửa chữa căn nhà thành như hiện nay. Do vậy, ông N cho rằng ông có quyền đòi lại căn nhà này vì đây là tài sản chung của ông N bà H trong thời kỳ hôn nhân là có căn cứ.

[2.3] Tuy nhiên, tại văn bản "Giấy xác nhận hủy bỏ tờ cam kết ngày 15/02/2006" vào ngày 12/10/2009 (bút lục 94 đến 98) được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 19/10/2009, có nội dung bà H phủ nhận nội dung của Tờ cam kết, bà H cho rằng tiền mua nhà do các chị em của bà gồm Lê Thị Cẩm L1, Lê Thị Cẩm C1, Lê Thị Cẩm N1 và bà H góp lại do bà H đại diện gửi về Việt Nam để mua và sửa chữa nhà. Lý do bà H cùng ông L, bà V làm cam kết là vì tránh trường hợp có người lấy nhà đi cầm cố như trước đây ông Lê Minh T và bà Trần Mỹ H4 đã làm.

Văn bản nêu trên đã được lập hợp lệ về hình thức, được công chứng và hợp pháp hóa lãnh sự tại Mỹ; đến nay các bên gồm Lê Thị Cẩm L1, Lê Thị Cẩm C1, Lê Thị Cẩm N1 và bà H vẫn chưa có văn bản nào thay thế hoặc hủy bỏ thỏa thuận nói trên.

Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết nội dung vụ án mà không thu thập ý kiến của những người được bà H nhắc đến để làm cơ sở xác định nguồn gốc và quá trình tạo lập tài sản tranh chấp là chưa phù hợp. Cụ thể, những người chị em được bà H xác định có góp tiền để mua nhà gồm các bà Lê Thị Cẩm L1, Lê Thị Cẩm C1, Lê Thị Cẩm N1. Trong số họ chỉ có bà Lê Thị Cẩm C1 có văn bản trình bày ngày 24/8/2019 đã được hợp pháp hóa lãnh sự nêu ý kiến của bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông N, bà H, còn những người còn lại thì không có ý kiến trong hồ sơ vụ án.

Việc thu thập ý kiến của các bà L1, N1, C1 là cần thiết để xác định có hay không việc góp tiền mua nhà tranh chấp để đảm bảo được quyền lợi của họ nếu có. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của bà H mà giải quyết thiếu tư cách tham gia tố tụng của các bà Lê Thị Cẩm L1, Lê Thị Cẩm C1, Lê Thị Cẩm

N1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là có thiếu sót về tố tụng.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn cung cấp bản sao sổ hộ khẩu thể hiện có người hiện nay đang sinh sống và có tên trong hộ khẩu tại căn nhà số 29 Nguyễn Trãi gồm Lê Thị Cẩm C1, Trương Vĩ H3, Nguyễn Duy Q, La Uyên N. Khi giải quyết tranh chấp có đối tượng là nhà ở, xác định có người sống chung trong căn nhà tranh chấp và thực tế có sinh sống tại đây thì cần xác minh lý do, có đóng góp gì đối với tài sản hay không, phải thu thập ý kiến của họ. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người này tham gia vào vụ án với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để xem xét đến quyền, nghĩa vụ của họ cũng như ảnh hưởng đến việc thi hành án là có thiếu sót.

Từ những nhận định nêu trên cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Những vi phạm nói trên là nghiêm trọng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, cần thiết phải hủy toàn bộ bản án để xét xử lại theo thủ tục chung.Do hủy bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung vụ án.

Quan điểm của Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận, kháng cáo của ông L, bà V là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Các chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi thụ lý lại vụ án.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do bản án bị hủy nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Ngọc L, bà Lê Thị Cẩm V.

Tuyên xử:

1/. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ. Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

2/. Về chi phí tố tụng khác và án phí sơ thẩm sẽ được giải quyết khi xét xử sơ thẩm.

3/. Về án phí phúc thẩm: ông Nguyễn Ngọc L, bà Lê Thị Cẩm V không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
–Tòa án nhân dân tối cao;
– VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
– TAND thành phố Cần Thơ;
– VKSND thành phố Cần Thơ;
– Cục THADS thành phố Cần Thơ;
– Các đương sự (5);
– Lưu: hồ sơ (2),VP (5), 17b (LTTT).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đắc Minh